

Số: 41/2024/TT-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Công Thương ở địa phương

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Công Thương ở địa phương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định danh mục và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Công Thương tại Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Thông tư này áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Công Thương ở địa phương.

Điều 2. Danh mục vị trí công tác thuộc lĩnh vực Công Thương phải thực hiện định kỳ chuyển đổi

1. Cấp các loại giấy phép liên quan đến xuất nhập khẩu, dịch vụ thương mại, cụ thể:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG vào chai;

(Handwritten signature)

- c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu;
 - d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu;
 - đ) Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ;
 - e) Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - g) Giấy phép bán lẻ rượu;
 - h) Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;
 - i) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
 - k) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
 - l) Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
 - m) Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương;
 - n) Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương.
2. Cấp các loại giấy phép liên quan đến việc bảo đảm tiêu chuẩn an toàn trong sản xuất, kinh doanh, cụ thể:
- a) Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện;
 - b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ;
 - c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh/sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp;
 - d) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
 - đ) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
 - e) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ cho người được giao quản lý kho, nơi cất giữ tiền chất thuốc nổ;
 - g) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
 - h) Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai;
 - i) Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn;
 - k) Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải;
 - l) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
 - m) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm);

Đm *T.B.*

n) Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có công suất dưới 3 MW đặt tại địa phương;

o) Thông báo xác nhận công bố sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Điều 3. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc quy định tại Điều 2 Thông tư này là từ đủ 03 năm đến 05 năm.

2. Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2025.

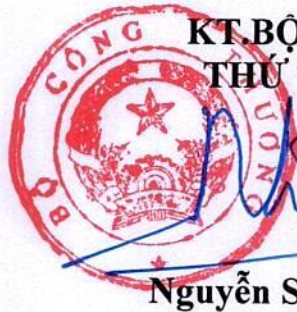

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

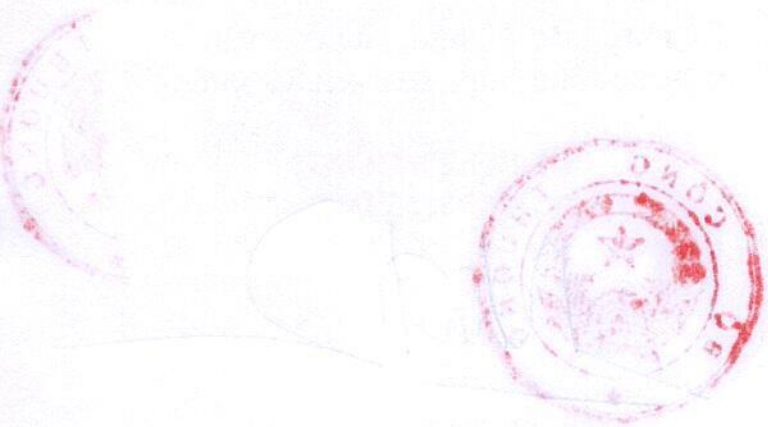
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để tổng hợp, xem xét và hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCCB (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Nguyễn Sinh Nhật Tân





11 1971